

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch
trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 210/TTr-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 82/BC-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng nộp lệ phí hộ tịch: người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật;

b) Cơ quan thu lệ phí hộ tịch: Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Gò Công, thị xã Cai Lậy, thành phố Mỹ Tho;

c) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý lệ phí hộ tịch.

Điều 2. Mức thu, miễn lệ phí đăng ký hộ tịch

1. Mức thu

STT	Công việc thực hiện	Mức thu (đồng/trường hợp)
I	Đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã	
1	Khai sinh (đăng ký không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân).	8.000
2	Đăng ký lại kết hôn.	30.000
3	Khai tử (đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử).	8.000
4	Nhận cha, mẹ, con.	15.000
5	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú trong nước.	15.000
6	Bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.	15.000
7	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.	15.000
8	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác.	8.000
9	Đăng ký hộ tịch khác.	8.000
II	Đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện	

1	Khai sinh (đăng ký khai sinh đúng hạn, không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân).	75.000
2	Khai tử (đăng ký khai tử đúng hạn, đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử).	75.000
3	Kết hôn (đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn).	1.500.000
4	Giám hộ, chấm dứt giám hộ.	75.000
5	Nhận cha, mẹ, con.	1.500.000
6	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước.	28.000
7	Xác định lại dân tộc.	28.000
8	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài.	28.000
9	Ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.	75.000
10	Đăng ký hộ tịch khác.	75.000

2. Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch:

a) Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi;

b) Đăng ký khai sinh đúng hạn, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước;

c) Đăng ký hộ tịch cho đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Thu, nộp lệ phí hộ tịch

1. Lệ phí hộ tịch là khoản thu thuộc ngân sách Nhà nước. Cơ quan, tổ chức thu lệ phí thực hiện nộp toàn bộ tiền lệ phí thu được vào ngân sách Nhà nước. Tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí, quyết toán lệ phí năm theo quy định.

2. Hàng năm, cùng với việc lập dự toán thu ngân sách Nhà nước, cơ quan tổ chức thu lệ phí lập dự toán thu, chi lệ phí hộ tịch gửi cơ quan tài chính cùng cấp xem xét, tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khóa IX, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 10 năm 2020.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tiền Giang./.

Nơi nhận:

- UB. Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Cục Hành chính - Quản trị II (VPCP);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh ủy;
- UBND, UB. MTTQ tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Ấp Bắc;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Danh